



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Số 8-Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +84-4 3852 4123  
Fax: +84-4 3852 4143  
www.deloitte.com/vn

Số: 47/Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



báo cáo  
tài chính

Kính gửi: hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty tài chính Cổ phần Điện lực.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Đặng Chi Dũng  
phó tổng giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

ngô trung Dũng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0784/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH DELOITTE Việt NAM

Ngày 08 tháng 02 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
<b>A</b>	<b>tÀI SẢN</b>		
i.	tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.529.442.305	561.717.386
ii.	tiền gửi tại NhNN	9.422.629.257	-
iii.	tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.997.401.113.384	2.109.141.246.760
1.	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác	3.618.656.668.940	1.927.441.246.760
2.	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	378.744.444.444	181.700.000.000
iV.	Chứng khoán kinh doanh	13.039.483.636	657.474
1.	Chứng khoán kinh doanh	13.039.483.636	657.474
V.	Cho vay khách hàng	2.197.583.897.121	1.198.449.465.907
1.	Cho vay khách hàng	2.213.499.856.991	1.206.634.416.513
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(15.915.959.870)	(8.184.950.606)
Vi.	Chứng khoán đầu tư	5.271.656.459.294	320.244.856.476
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.271.656.459.294	80.244.856.476
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	240.000.000.000
Vii.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	881.790.016.900	610.000.000.000
1.	Đầu tư dài hạn khác	881.790.016.900	610.000.000.000
Viii.	tài sản cố định	7.609.514.379	8.165.232.778
1.	Tài sản cố định hữu hình	7.019.692.870	7.402.263.591
	- Nguyên giá TSCĐ	9.933.718.387	8.114.883.833
	- Hao mòn TSCĐ	(2.914.025.517)	(712.620.242)
2.	Tài sản cố định vô hình	589.821.509	762.969.187
	- Nguyên giá TSCĐ	956.346.131	835.768.800
	- Hao mòn TSCĐ	(366.524.622)	(72.799.613)
iX.	tài sản Có khác	2.576.943.775.493	328.896.657.846
1.	Các khoản phải thu	1.504.526.053.936	2.381.140.065
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	309.752.814.307	124.274.242.431
3.	Tài sản Có khác	762.664.907.250	202.241.275.350
	<b>tỔNG tÀI SẢN Có</b>	<b>14.956.976.331.769</b>	<b>4.575.459.834.627</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
<b>B</b>	<b>NỢ phải trả và VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>i</b>	<b>tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>6.625.490.621.363</b>	<b>1.547.000.000.000</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	5.067.866.621.363	1.202.000.000.000
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	1.557.624.000.000	345.000.000.000
<b>ii</b>	<b>tiền gửi của khách hàng</b>	<b>902.703.733.818</b>	<b>-</b>
<b>iii</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b>	<b>3.709.022.478.862</b>	<b>297.041.073.417</b>
<b>iv</b>	<b>Các khoản Nợ khác</b>	<b>885.796.170.102</b>	<b>125.096.037.522</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	155.943.871.442	16.796.857.616
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	725.644.691.868	108.299.179.906
3	Dự phòng rủi ro khác	4.207.606.792	-
	<b>tổng Nợ phải trả</b>	<b>12.123.013.004.145</b>	<b>1.969.137.110.939</b>
<b>V</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>2.833.963.327.624</b>	<b>2.606.322.723.688</b>
1	Vốn của tổ chức tín dụng	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
	- Vốn điều lệ	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	81.577.629.568	15.976.383.583
3	Lợi nhuận chưa phân phối	252.385.698.056	90.346.340.105
	<b>tổng NỢ phải trả và VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>14.956.976.331.769</b>	<b>4.575.459.834.627</b>



báo Cáo  
Tài Chính

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
<b>i.</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>595.091.238.948</b>	<b>-</b>
1.	bảo lãnh khác	595.091.238.948	-
1.1	bảo lãnh thanh toán	375.789.431.664	-
1.2	Cam kết cho vay không hủy ngang	529.072.635	-
1.3	bảo lãnh thực hiện hợp đồng	79.475.447.491	-
1.4	bảo lãnh dự thầu	16.722.136.200	-
1.5	bảo lãnh khác	122.575.150.957	-

Trịnh Bá Hưng  
phó trưởng phòng Kế toán



Hoàng Văn Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2010

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	từ ngày 7/7/2008 đến 31/12/2008
1.	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	756.174.795.170	209.770.438.641
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự lãi	342.298.465.668	43.591.760.946
i.	thu nhập lãi thuần	413.876.329.502	166.178.677.695
1.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	48.707.013.608	-
2.	Chi phí hoạt động dịch vụ	19.781.142.906	1.331.275.714
ii.	lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	28.925.870.702	(1.331.275.714)
iii.	(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(15.235.165.694)	-
iv.	(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(18.749.342.178)	(606.960.988)
1.	Thu nhập từ hoạt động khác	21.553	11.500.000
2.	Chi phí hoạt động khác	3	-
V.	lãi thuần từ hoạt động khác	21.550	11.500.000
Vi.	thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	8.421.000.000 -	-
Vii.	Chi phí hoạt động	39.910.447.562	20.116.915.782
Viii.	lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	377.328.266.320	144.135.025.221
ix.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11.938.616.055	8.184.950.606
X.	tổng lợi nhuận trước thuế	365.389.650.265	135.950.074.605
1.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61.157.506.606	29.660.262.717
Xi.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	61.157.506.606	29.660.262.717
Xii.	lợi nhuận sau thuế	304.232.143.659	106.289.811.888
Xiii.	lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.217	425



Trịnh Bá Hưng  
phó trưởng phòng Kế toán



Hoàng Văn Bình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 08 tháng 02 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	từ ngày 7/7/2008 đến ngày 31/12/2008
<b>lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	570.696.223.294	85.496.196.210
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(203.151.451.842)	(26.794.903.330)
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	28.925.870.702	(1.331.275.714)
4.	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	(33.984.507.872)	(606.960.988)
5.	Thu nhập khác		
6.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	21.553	11.500.000
7.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm/kỳ	(29.540.673.924)	(8.257.453.914)
<b>lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>			
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
8.	(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	303.548.460.225	48.253.861.233
<b>9.(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán</b>			
<b>10. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng</b>			
11.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(530.632.284.571)	(1.801.700.000.000)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
<b>12. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng</b>			
13.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(4.944.745.285.455)	(339.950.657.474)
14.	Tăng/(Giảm) tiền vay của khách hàng	(1.006.865.440.478)	(1.206.634.416.513)
<b>14. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b>			
15.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(2.062.568.545.771)	(204.622.415.415)
16.	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		
<b>i.lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
<b>1. Mua sắm tài sản cố định</b>			
1.	Mua sắm tài sản cố định	3.411.981.405.445	297.041.073.417
2.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		
3.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	548.216.462.624	87.566.171.531
		(1.713.381.323)	-
<b>ii.lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>			
		1.698.415.745.877	(1.573.046.383.221)
		(1.939.411.885)	(8.950.652.633)
		(271.790.016.900)	(610.000.000.000)
		8.421.000.000	-
		(265.308.428.785)	(618.950.652.633)

báo Cáo  
Tài Chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Năm 2009	Từ ngày 7/7/2008 đến ngày 31/12/2008
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	-	2.500.000.000.000
2.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(74.512.010.120)	-
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(74.512.010.120)	2.500.000.000.000
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	1.358.595.306.972	308.002.964.146
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm/kỳ	308.002.964.146	-
VI.	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	-	-
VII.	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm/kỳ	1.666.598.271.118	308.002.964.146

### Chi các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và tương đương tiền

Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước

Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác

- Tiền, vàng gửi không kỳ hạn

- Tiền, vàng gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt và tương đương tiền	1.529.442.305	561.717.386
Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	9.422.629.257	-
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác	1.655.646.199.556	307.441.246.760
- Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	289.830.399.556	197.441.246.760
- Tiền, vàng gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.365.815.800.000	110.000.000.000



Trịnh Bá Hưng  
phó trưởng phòng Kế toán



Hoàng Văn Ninh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 08 tháng 02 năm 2010

